

ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC

A. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH

Câu	Ý	Nội dung	điểm
I		Vùng trung dung và miền núi phía Bắc	4,0
1		<p>Phân tích thuận lợi của nguồn lực tự nhiên trong việc phát triển kinh tế</p> <p><i>a. Qui mô – Vị trí (0,5 đ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng có diện tích lớn nhất trong các vùng kinh tế của nước ta (SGK cải cách: 102,9 nghìn km², SGK phân ban: 110.000 km²). Giáp với 2 quốc gia (Lào, Trung quốc) thuận lợi cho việc giao lưu và phát triển nền kinh tế mở. - Giáp với 2 vùng kinh tế (ĐBSH và Bắc Trung bộ), giáp Biển Đông thuận lợi cho giao lưu và phát triển kinh tế. <p><i>b. Nguồn lực tự nhiên để phát triển công nghiệp (1 đ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng có tiềm năng khoáng sản mạnh nhất, nguồn nhiên liệu phong phú: than đá (Quảng Ninh có 3 tỉ tấn, Thái Nguyên ...), than nâu (Lạng Sơn ...) - Khoáng sản kim loại phong phú về chủng loại: sắt (Thái Nguyên, Yên Bái ...), đồng (Sơn La ...), bôxít (Lạng Sơn, Cao Bằng ...), thiếc, chì, kẽm ... - Khoáng sản phi kim: apatít (Lào Cai), graphít ... - Thủy điện có trữ năng lớn nhất trong các vùng: riêng hệ thống sông Hồng có công suất 11 triệu KW \approx 1/3 cả nước; trong đó sông Đà có công suất 6 triệu KW - Vùng có tiềm năng về lâm sản, thủy sản là nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến thực phẩm. <p><i>c. Nguồn lực tự nhiên để phát triển nông nghiệp (1 đ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất: chủ yếu là đất feralit (một số nơi có đất đá vôi màu mỡ), đất xám phù sa cổ thích hợp với cây công nghiệp. - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh và khí hậu cận nhiệt núi cao thích hợp với các loại cây cận nhiệt, ôn đới (cây công nghiệp: chè, hồi; dược liệu: đỗ trọng, tam thất; cây ăn quả: táo, lê, ...) - Có nhiều đồng cỏ trên cao nguyên (Mộc Châu, Sơn La ...) và rải rác ở vùng trung du tạo điều kiện phát triển đàn gia súc lớn. - Vùng có tiềm năng phát triển cây hoa màu tạo nguồn thức ăn phát triển đàn lợn. Hiện tại đàn lợn đứng đầu cả nước (5 triệu con \approx 26% cả nước) <p><i>d. Nguồn lực phát triển kinh tế biển và du lịch (0,5 đ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng biển Quảng Ninh giàu tiềm năng: có khả năng nuôi trồng và đánh bắt hải sản; giao thông biển thuận lợi, có nhiều cảng – quan trọng nhất là cảng Cái Lân - Tiềm năng du lịch rất lớn: ngoài quần thể du lịch Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới – vùng có nhiều điểm du lịch nổi tiếng: Sapa, Ba bể, Lạng Sơn ... 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
2		<p>Giải thích: Việc phát huy thế mạnh của vùng có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc. (1 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng có nhiều thế mạnh trong việc phát triển kinh tế: khoáng sản, thủy điện, đất, khí hậu, biển ... lại giáp 2 quốc gia Trung Quốc, Lào ... - Phát huy thế mạnh kinh tế sẽ giúp vùng tiến hành xây dựng các nhà máy, khu và trung tâm công nghiệp, các vùng chuyên canh, điểm du lịch, cảng biển ... cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng. - Kết quả: bộ mặt kinh tế xã hội của vùng sẽ thay đổi theo hướng tích cực, đời sống người dân được nâng lên, khoảng cách giữa miền núi và đồng bằng sẽ giảm đi. - Là vùng có nhiều dân tộc ít người, chiến khu cách mạng trong thời kỳ chống Pháp 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

nên phát huy thế mạnh không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc.

II

Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích

3,0

1

Vẽ biểu đồ (2,0 đ)

a. Xử lý số liệu (0,5 đ)

Bảng cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta
đơn vị: %

Năm	1995	2004
Thành phần kinh tế		
- Công nghiệp quốc doanh	50,3	37,0
- Công nghiệp ngoài quốc doanh	24,7	26,9
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	25,0	36,1

0,5

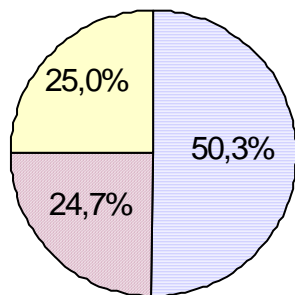
b. Vẽ biểu đồ : (1,5 đ)

Yêu cầu : + biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ tròn.

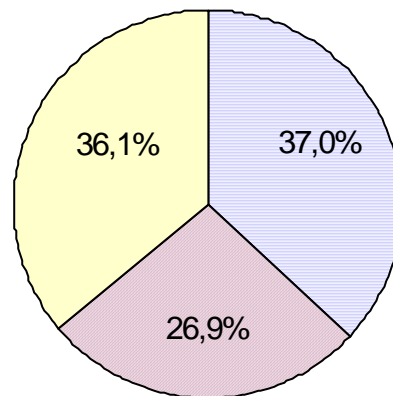
+ đường tròn 1995 nhỏ hơn 2004. (nếu bằng nhau trừ 0,5đ)

+ có ký hiệu, ghi chú, tên biểu đồ, số liệu.

(thiếu mỗi chi tiết trừ 0,25 đ; riêng thiếu ghi chú trừ 1 đ)



1995



2004

Biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1995 và 2004

1,5

■ - Công nghiệp quốc doanh

■ - Công nghiệp ngoài quốc doanh

■ - Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế có sự thay đổi trong giai đoạn 1995 – 2004:

- Tỷ trọng thành phần công nghiệp quốc doanh giảm mạnh: 13,3%

- Tỷ trọng thành phần công nghiệp ngoài quốc doanh tăng không đáng kể: 2,2%

- Tỷ trọng công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng khá mạnh: 11,1%

Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế trong công nghiệp theo hướng tích cực.

b. Giải thích (0,5 đ)

- Phù hợp với công cuộc đổi mới đất nước theo hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần.

0,25

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng để thu hút vốn, thiết bị, công nghệ, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

0,25

B. PHẦN TỰ CHỌN

Câu	Ý	Nội dung	điểm
IIIa		Hoạt động kinh tế đối ngoại	3,0
	1a	<p>Phân tích những đổi mới của hoạt động kinh tế đối ngoại ở nước ta (2 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động kinh tế đối ngoại bao gồm: xuất nhập khẩu, hợp tác quốc tế về đầu tư và lao động, các dịch vụ thu ngoại tệ khác, du lịch quốc tế. - Ngoại thương có sự thay đổi mạnh mẽ trong những năm gần đây, hàng hóa phát triển theo hướng đa dạng và ngày càng có chất lượng cao. - Thị trường phát triển theo hướng đa phương, trước kia chỉ buôn bán với các nước XHCN, nay mở rộng ở tất cả các thị trường. - Cơ chế thay đổi từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh, giao quyền tự chủ cho các xí nghiệp, các địa phương, thông nhất quản lý bằng pháp luật. - Cơ cấu xuất nhập khẩu thay đổi: hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, tư liệu sản xuất, hàng xuất khẩu ngày càng tăng dần lượng hàng hóa chế biến. - Hợp tác đầu tư quốc tế được mở rộng, các đối tác không chỉ trong khu vực ĐNÁ mà còn phát triển ở nhiều khu vực khác. Đồng thời chuẩn bị tốt môi trường đầu tư. - Tăng cường hợp tác lao động để giải quyết việc làm, nâng cao tay nghề, tăng nguồn thu ngoại tệ. - Các hoạt động du lịch cũng có sự đổi mới về thủ tục, cách thức. Các dịch vụ thu ngoại tệ khác đang được tăng cường. 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
	2a	<p>Những thành tựu của hoạt động kinh tế đối ngoại trong những năm gần đây (1đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng nhanh : từ hơn 5 tỉ USD (1990) lên 23 tỉ USD năm 1999 (hoặc năm 1992 xuất khẩu cao hơn nhập khẩu) - Thị trường mở rộng, quan hệ buôn bán với trên 200 nước, bạn hàng lớn nhất là Singapo, Nhật, Hồng Kông ... Việt Nam đã gia nhập WTO. - Hợp tác về đầu tư: số dự án tăng nhanh (1988 mới bắt đầu, đến 1999 có 2800 dự án, đạt 37,1 tỉ USD) - Du lịch quốc tế tăng nhanh: những năm 1990 lượng khách chưa nhiều, năm 2005 đạt trên 3 triệu du khách. 	0,25 0,25 0,25 0,25
IIIb		Biển Đông	3,0
	1b	<p>Đặc điểm của Biển Đông thuộc lãnh thổ Việt Nam (1 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích hơn 1 triệu Km², trong đó có 2 vịnh lớn là vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan - Thềm lục địa mở rộng ở Bắc bộ (cách cửa sông Hồng 500 Km) và Nam bộ (nối với thềm lục địa Malaixia và Indonêxia), thềm lục địa ở Trung bộ hẹp – chỉ khoảng 50 Km - Là vùng biển tương đối kín. Có các dòng hải lưu theo mùa chảy sát bờ (hoặc những dòng hải lưu chảy theo những vòng tròn nhỏ ở vịnh Bắc bộ và vịnh Thái Lan) 	0,25 0,25 0,25
	2b	<p>Ảnh hưởng của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế – xã hội nước ta (2 đ)</p> <p><i>* Thuận lợi (1,5 đ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giàu tài nguyên khoáng sản: dầu khí ở hai bể Nam Côn Sơn và Cửu Long tạo điều kiện cho ngành công nghiệp khai thác dầu, khí. - Các mỏ sa khoáng, các bãi cát ven biển có trữ lượng lớn là nguyên liệu cho ngành công nghiệp. - Nghề làm muối phát triển mạnh, đặc biệt ở vùng Nam Trung bộ nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít cửa sông. - Phát triển các tuyến hàng hải với các nước trong khu vực và thế giới (có nhiều cảng tốt: Cam Ranh, Cái Lân, Sài Gòn ...) - Nguồn sinh vật biển phong phú, năng suất sinh học cao tạo nguồn nguyên liệu dồi dào để phát triển công nghiệp chế biến, cung cấp thực phẩm cho người dân và hàng 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

<p>hóa để xuất khẩu.</p> <p>- Có nhiều vùng biển đẹp (Hạ Long, Nha Trang, Mũi Né ...), bãi tắm tốt (Vũng Tàu ...) tạo điều kiện phát triển du lịch.</p> <p>* <i>Khó khăn (0,5 đ)</i></p> <p>- Hàng năm trực tiếp nhận trung bình từ 3 đến 4 cơn bão. Bão biển gây mưa to, sóng lớn, gây hậu quả nặng nề cho các vùng ven biển nhất là vùng ven biển Trung bộ.</p> <p>Với những đặc điểm và ảnh hưởng của biển Đông, chúng ta cần có chiến lược khai thác và phát triển tổng hợp kinh tế biển để phòng chống ô nhiễm và thiên tai.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
---	-------------------------------------

Ghi chú: Nếu thí sinh làm bài không theo dàn ý như trong đáp án, nhưng đủ ý và chính xác thì vẫn được điểm tối đa theo thang điểm đã qui định.